

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN PHÚ
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 25-01-2022

V/v “Ly hôn, tranh chấp về
nuôi con chung”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN PHÚ - TỈNH ĐỒNG NAI**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Trương Thị Thịnh**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Phạm Công Gia** và ông **Lê Đình Khôi**

Thư ký phiên tòa: Bà **Lý Thị Chuyên** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông **Phạm Văn Luật** - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 01 năm 2022, tại Tòa án nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 279/2021/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 10 năm 2021, về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 01 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh **Phạm Mạnh H**, sinh năm 1981

Địa chỉ: Số 5, đường Nguyễn Chí Thanh, Khu 9, thị H, huyện B, tỉnh Quảng Bình.

Bị đơn: Chị **Châu Mỹ T**, sinh năm 1982

Địa chỉ: Tổ 1, Ấp 1, xã T, huyện Tân Phú, Đồng Nai.

(Anh Hùng, chị T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 01/10/2021, lời khai trong quá trình chuẩn bị xét xử nguyên đơn anh Phạm Mạnh H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Châu Mỹ T tự nguyện tìm hiểu và tiến đến hôn nhân năm 2008, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Trà Cổ, huyện Tân Phú và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 62, ngày 07/11/2008.

Đời sống hôn nhân của vợ chồng anh đằm ấm, hạnh phúc đến năm 2018, thời gian này vợ chồng anh sinh sống và làm việc ở Thành phố Hồ Chí Minh, trong thời gian sống chung thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do

tính cách không hợp nhau, bất đồng quan điểm thường hay cãi vã nên chị T đã dẫn hai con về sinh sống và làm việc tại xã Trà Cổ. Mặc dù đã được gia đình hai bên hòa giải nhưng tình hình vẫn không được cải thiện, từ tháng 8/2018 cho đến nay anh và chị T đã không còn sống chung với nhau, vợ chồng không ai quan tâm đến ai, nay tình cảm vợ chồng không còn anh yêu cầu được ly hôn với chị Châu Mỹ T.

Về con chung: Vợ chồng có 02 (Hai) con chung Phạm Mạnh Ph, sinh ngày 29/7/2009 và Phạm Bảo Y, sinh ngày 21/02/2014. Khi ly hôn, anh H đồng ý giao hai con cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng và tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng số tiền 2.000.000đồng, mỗi cháu số tiền là 1.000.000đồng/01 tháng, cho đến khi các con trưởng thành và có khả năng lao động.

Về tài sản chung: Anh H trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết; về nợ chung: Theo anh H, vợ chồng không có nợ chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 04/11/2021 lời khai trong quá trình chuẩn bị xét xử, bị đơn chị Châu Mỹ T trình bày.

Về quan hệ hôn nhân: Chị T thừa nhận, vợ chồng kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Trà Cổ, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn theo luật định.

Đời sống hôn nhân của vợ chồng chị đầm ấm hạnh phúc đến năm 2016 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, tính cách không hợp nhau nên hay cãi vã nhau. Vợ chồng chị đã sống ly thân từ năm 2018 cho đến nay, tình cảm không còn anh yêu cầu ly hôn thì chị đồng ý.

Về con chung: Vợ chồng có 02 (Hai) con chung là Phạm Mạnh Ph, sinh ngày 29/7/2009 và Phạm Bảo Y, sinh ngày 21/02/2014. Khi ly hôn chị T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng các con đồng ý mức cấp dưỡng nuôi con của anh Hùng.

Để chứng minh cho yêu cầu, ý kiến của mình, nguyên đơn đã nộp kèm theo đơn khởi kiện những tài liệu chứng cứ sau: Giấy chứng minh nhân dân (bản sao); sổ hộ khẩu của gia đình (bản sao); giấy chứng nhận kết hôn (bản sao); giấy khai sinh của các con chung (bản sao); lời khai của nguyên đơn tại bản tự khai; Đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp Tòa án đã tiến hành sao gửi hợp lệ cho bị đơn.

Để giải quyết vụ án, theo yêu cầu của nguyên đơn, Tòa án đã tiến hành thu thập những tài liệu, chứng cứ sau: Bản tự khai của bị đơn; Biên bản ghi nhận ý kiến của các cháu Phạm Mạnh Ph, sinh ngày 29/7/2009 và Phạm Bảo Y, sinh ngày 21/02/2014; đơn xin xét xử vắng mặt; Biên bản xác minh ngày 06/01/2022 về tình trạng hôn nhân của các đương sự.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến như sau:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Bị đơn tuân thủ đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Đề nghị chấp nhận cho anh Hly hôn với chị Châu Mỹ T; về con chung: Đề nghị giao hai cháu Phúc, Yến cho chị T nuôi dưỡng, Chấp nhận sự tự nguyện cấp dưỡng nuôi con của anh H đối với hai con chung mỗi tháng số tiền 2.000.000đồng.

Về tài sản chung: Anh H, chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét. Về nợ chung: Anh H, chị T khai không có, nên không xem xét. Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh Phạm Mạnh H khởi kiện yêu cầu ly hôn với chị Châu Mỹ T, tranh chấp về nuôi hai con chung là Phạm Mạnh Ph, sinh ngày 29/7/2009 và Phạm Bảo Y, sinh ngày 21/02/2014. Vì vậy, quan hệ pháp luật tranh chấp cần giải quyết trong vụ án này được xác định là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn chị Châu Mỹ T có nơi cư trú tại: Ấp 1, xã Trà Cỏ, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Phú theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Nguyên đơn anh Phạm Mạnh H, bị đơn chị Châu Mỹ T vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa anh H, chị T được xác lập trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Trà Cỏ, huyện Tân Phú vào ngày 07/11/2008, do đó đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật ghi nhận và bảo vệ.

[4] Đời sống hôn nhân của anh H, chị T đầm ấm, hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung, không thông cảm và chia sẻ cho nhau những vấn đề trong cuộc sống. Từ năm 2018 đến nay, anh Hùng, chị T đã không còn sống chung, vợ chồng không ai quan tâm đến ai, không còn thực hiện quyền và nghĩa vụ chung của vợ chồng.

[5] Lời khai của nguyên đơn về quá trình chung sống, nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn của vợ chồng một phần được bị đơn thừa nhận, phù hợp với biên bản xác minh về mâu thuẫn vợ chồng. Vợ chồng anh chị hiện đã không còn sống chung với nhau, anh Hyêu cầu ly hôn chị T cũng đồng ý.

[6] Từ lời khai của nguyên đơn, bị đơn và các tài liệu chứng cứ thu thập được nhận thấy anh Hùng, chị T trong quá trình sống chung đã không tôn trọng, thương yêu, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau. Vi phạm nghĩa vụ sống chung của vợ chồng được quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và Gia đình, làm cho hôn

nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình yêu cầu ly hôn của anh H đối với chị T là có cơ sở chấp nhận.

[7] Về con chung và nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Hùng, chị T có 02 (hai) con chung là Phạm Mạnh Ph, sinh ngày 29/7/2009 và Phạm Bảo Y, sinh ngày 21/02/2014. Khi ly hôn, anh H đồng ý giao hai con chung cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng và tự nguyện cấp dưỡng nuôi hai con mỗi tháng số tiền 2.000.000đ cho đến khi các con thành niên và có khả năng lao động tự nuôi sống bản thân. Chị T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung và đồng ý mức cấp dưỡng của anh H mỗi tháng số tiền 2.000.000đ cho hai con chung.

[8] Xét thấy từ khi vợ chồng anh Hùng, chị T không còn sống chung thì các cháu Phúc, Yến do chị T chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục; các cháu có nguyện vọng được sống chung với chị T. Do đó giao hai cháu Phạm Mạnh Ph và Phạm Bảo Y cho chị T trực tiếp chăm sóc, giáo dục. Anh H cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng số tiền 1.000.000đ/cháu, tổng số tiền 2.000.000đ/tháng, cho đến khi các con thành niên và có khả năng lao động tự nuôi sống bản thân. Thời điểm cấp dưỡng tính từ tháng 02/2022.

[9] Về tài sản chung: Anh Hùng, chị T trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét; về nợ chung: Anh Hùng, chị T khai không có, nên không xem xét.

[10] Về án phí: Anh H là nguyên đơn trong vụ án ly hôn, do đó anh H phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[11] Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa về đường lối giải quyết vụ án là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228; Điều 235 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Điều 85, 91, 92, 93 luật hôn nhân gia đình năm 2000; Các điều 19, 51, 56, 81, 82, 83, 84 và Điều 131 của Luật Hôn nhân Gia đình năm 2014;

- Điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Phạm Mạnh H về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung” đối với chị Châu Mỹ T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Phạm Mạnh H được ly hôn chị Châu Mỹ T.

2. Về nuôi con chung: Giao hai con chung Phạm Mạnh Ph, sinh ngày 29/7/2009 và Phạm Bảo Y, sinh ngày 21/02/2014 cho chị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục; Anh H tự nguyện cấp dưỡng nuôi hai con chung mỗi tháng số tiền 2.000.000đồng cho cả hai cháu (mỗi cháu số tiền là 1.000.000đồng/01tháng), cho đến khi các con thành niên và có khả năng lao động tự nuôi sống bản thân. Thời điểm cấp dưỡng tính từ tháng 02/2022.

Anh H có quyền qua lại thăm nom, chăm sóc con chung không ai được gây trở ngại. Vì lợi ích của con chung các bên đương sự được quyền xin thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Anh Hùng, chị T trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét; về nợ chung, chị T, anh H khai không có, nên không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Anh Phạm Mạnh H phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn; 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch đối với người có nghĩa vụ cấp dưỡng theo định kỳ; được khấu trừ vào số tiền anh H đã nộp tạm ứng theo biên lai thu số 0002050 ngày 25/10/2021 tại Chi cục thi hành án Dân sự huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai chuyển thành án phí. Anh H còn phải có nghĩa vụ nộp tiếp số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch đối với người có nghĩa vụ cấp dưỡng theo định kỳ.

Người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

5. Về quyền kháng cáo: Anh Hùng, chị T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Tân Phú;
- Chi cục THA huyện Tân Phú;
- Các đương sự (để thi hành);
- UBND xã Trà Cổ (để ghi vào sổ hộ tịch ĐK ngày 01/11/2008)
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trương Thị Thịnh

